

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2023

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Ngọc Thạch; bà Thị Amina

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chị N, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 14 tháng 12 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Năm 2013, chị và anh T đã sống ly thân, anh T sống trong rẫy và thường có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, còn chị sống cùng 02 con tại nhà riêng; chị và anh T sống ly thân, sinh hoạt riêng từ năm 2013 đến nay. Nay không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Yến N1, sinh ngày 01-11-2000 và Đỗ Thị Quỳnh N2, sinh ngày 14-11-2009.

Hiện tại, hai con chung đang sống cùng với chị, cháu N1 đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu N2 đã nghỉ học ở nhà cùng với chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu N2, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đỗ Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị N và anh Đỗ Văn T là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Cháu Đỗ Yến N1, sinh ngày 01-11-2000 đã thành niên tự lao động được nên không đặt ra giải quyết; Giao con chung tên Đỗ Thị Quỳnh N2, sinh ngày 14-11-2009 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị N và anh Đỗ Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về hôn nhân: Do chị Huỳnh Thị N và anh Đỗ Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Huỳnh Thị N và anh Đỗ Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên là Đỗ Yến N1, sinh ngày 01-11-2000 và Đỗ Thị Quỳnh N2, sinh ngày 14-11-2009. Cháu Đỗ Yến N1 đã thành niên và tự lao động được nên chị N không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Đỗ Thị Huỳnh N3, hiện đang sống cùng với chị N. Chị N có nguyện vọng

nuôi cháu N3 và cháu N3 là con gái, cũng có nguyện vọng chung sống với chị N. Xét thấy, yêu cầu nuôi con của chị N là phù hợp nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận tạm thời chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị N không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Huỳnh Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Huỳnh Thị N và anh Đỗ Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Đỗ Yến N1, sinh ngày 01-11-2000 đã thành niên, tự lao động được nên không đặt ra giải quyết; giao cháu Đỗ Thị Quỳnh N2, sinh ngày 14-11-2009 cho chị Huỳnh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Huỳnh Thị N không yêu cầu anh Đỗ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0007867 ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, Tây Ninh; chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị Huỳnh Thị N và anh Đỗ Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- UBND xã Bàu Năng, huyện DMC;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, văn thư.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn